

LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

QUYỂN 42

Chương 2: KIỀN-ĐỘ SỬ

Phẩm 4: MUỖI MÔN, Phần 6

Hỏi: Ở đây thế nào là dục? Thế nào là pháp ác, bất thiện?

Đáp: Dục của tư sinh là dục, dục của phiền não là pháp ác, bất thiện.

Lại nữa, dục là năm dục, pháp ác bất thiện là năm cái.

Lại nữa, dục là sử của ái dục, pháp ác bất thiện là các phiền não khác.

Lại nữa, dục là giác dục, pháp ác bất thiện là giác giận dữ, giác hại.

Lại nữa, dục là cõi Dục, pháp ác bất thiện là cõi giận dữ, cõi hại.

Lại nữa, dục là tướng dục, pháp ác bất thiện là tướng giận dữ, tướng hại.

Có giác có quán, nghĩa là giác cùng có, nên gọi là có giác, vì cùng có với quán, nên gọi là có quán. Là sinh: Hỏi: Như địa trên đã nói về lìa là sự tốt đẹp thanh tịnh, vì sao chỉ nói Sơ thiên lìa, không nói địa trên lìa?

Đáp: Nói phần đầu để hiển bày phần cuối, tức Thế tôn hoặc nói phần đầu để làm sáng tỏ phần cuối. Hoặc nói phần sau cùng để làm sáng tỏ phần đầu. Nói phần đầu để làm rõ phần cuối: nghĩa là như ở đây nói. Nói việc cuối để làm rõ về pháp đầu: Như nói thọ thân ở chỗ nào không tự hại mạng, không hại mạng người.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Thọ thân cõi trời Phi tướng Phi phi tướng xứ, không tự hại mạng, cũng không hại mạng người. Như đầu cuối, đầu tiên nhập phương tiện đã độ, rốt ráo cũng giống như thế.

Lại nữa, do đây lìa ban đầu, nhập ban đầu mà được.

Lại nữa, Sơ thiên lìa, từ lìa sinh, từ tâm định của Sơ thiên sinh. như

do lục địa sinh, nên gọi là sinh từ đất liền, nhân nơi nước sinh, nên gọi là sinh từ nước. Sơ thiên kia cũng giống như thế. Vì lìa sinh, nên gọi là lìa sinh.

Lại nữa, Sơ thiên lìa vì hai thứ vô lậu giữ gìn. Hai thứ là: Vị chí và Trung gian.

Lại nữa, Sơ thiên lìa là môn đối tượng dựa nơi phương tiện lìa của địa trên.

Lại nữa, Sơ thiên lìa tức có thể sinh khởi, nuôi lớn, tăng rộng chỗ lìa của địa trên.

Lại nữa, Sơ thiên lìa là lìa nhân hữu căn bản của địa trên, là chỗ tập duyên với sinh khởi.

Lại nữa, Sơ thiên lìa, vì đối với pháp chẳng lìa. Không phải pháp lìa cõi Dục thế nào là đối trị gần? Đó là Sơ thiên lìa.

Lại nữa, vì muốn cho người nghi được quyết định, như cõi Dục có giác quán, có thân thức, có cao thấp, có quyến thuộc, Sơ thiên cũng thế. Hoặc cho rằng, vì cõi Dục có lỗi như thế, nên chẳng phải lìa dục. Sơ thiên cũng có lỗi như thế, nên chẳng phải lìa dục, vì khiến cho nổi hoài nghi này được quyết định, nên nói Sơ thiên có lìa.

Lại nữa, vì muốn cho hành giả tâm được hoan hỷ, nên hành giả phải lìa pháp dục, ác bất thiện, khởi Sơ thiên lìa, sinh đại hoan hỷ, hơn hẳn thời gian sau, khởi địa trên lìa. Giống như người đói, trước được ăn rau, hơn hẳn thời gian sau được ăn thức ăn ngon.

Lại nữa, do Sơ thiên có thể khởi các lìa hiện ra ở trước.

Lại nữa, do dựa vào Sơ thiên, có thể khiến cho ba hạng người tu hành nhập vào chánh quyết định, được quả lìa dục dứt hết lậu. Ba hạng người tu hành: Bị bị ràng buộc đủ, lìa dục, người lìa dục dần.

Lại nữa, do dựa vào Sơ thiên, nên khiến cho ba hạng Tín giải thoát, chuyển căn, tạo ra Kiến đạo. Ba thứ Tín giải thoát là theo thứ lớp, lìa dục dần, người lìa dục.

Lại nữa, do Sơ thiên lìa chủ thể đối trị ba cõi.

Lại nữa, do Sơ thiên có được bốn đạo quả Sa-môn, có đạo quả của chín dứt trí, có bảy chi giác, tám chi đạo là ba mươi bảy pháp giúp đạo. Có bảy thứ tu đạo, có khổ căn, ưu căn, có pháp đối trị không hổ, không thẹn, căn nam, căn nữ, dâm dục, đoàn thực, ái, năm cái, năm dục.

Lại nữa, do Sơ thiên là pháp đối trị năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới.

Do những việc như thế, nên kinh Phật nói: Sơ thiên là lìa hỷ, lạc: Hỷ là hỷ căn, lạc là y lạc (khinh an).

Lại nữa, hỷ là thuộc về thọ ấm. Lạc thuộc về hành ấm. Người nhập Sơ thiền, Nếu đã thành tựu được năm ấm thiện của Sơ thiền, thì đó gọi là nhập Sơ thiền, đã diệt giác quán, cho đến nói rộng.

Hỏi: Như lìa dục Sơ thiền, đều diệt pháp Sơ thiền, vì sao Phật chỉ nói diệt giác quán?

Đáp: Như Phật nói: Diệt giác quán, nên biết là đã nói pháp diệt Sơ thiền.

Lại nữa, do giác quán khó dứt, khó trừ, khó vượt qua.

Lại nữa, do pháp này là nặng, mang nhiều lỗi lầm.

Lại nữa, pháp này lìa ái của Sơ thiền, thường gây trở ngại, làm cho pháp lìa dục không nối tiếp. Như người giữ cổng không cho người khác vào. Pháp lìa ái kia cũng giống như thế.

Lại nữa, hành giả vì đối trị pháp này, nên tu đạo của định Nhị thiền.

Lại nữa, vì hành giả rất ghét pháp này, nên đều lìa Sơ thiền.

Lại nữa, vì địa trên của pháp này đều không chỗ nào chẳng hành, do những việc như thế, nên Phật nói diệt giác quán sinh nội tín: Nội là tâm, tín là tín căn. Vì tâm tín pháp này, nên gọi là nội tín.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Giác quán làm nhiễu loạn tâm định. Nếu giác quán diệt thì tâm sẽ thanh tịnh, nên gọi là nội tịnh. Như khi nước không dậy sóng, thì gọi là lắng trong. Tâm định kia cũng giống như thế. Do sự vui mừng nhiễm ô làm cho tâm định bị vẩn đục. Nếu sự vui mừng kia diệt, thì tâm sẽ thanh tịnh. Ví như nước đục đã lắng trong, thì gọi là sạch.

Tôn giả Đạt-ma-đa-la nói: Lúc hành giả vào đệ Nhị thiền, đối với tâm thiền kia thì sự tin ưa rộng lớn, có thể gắng trụ lâu, ưa quán pháp kia, tâm không dời động, trụ ở một chỗ, có xứ sở này, có thể tánh này, ta được tâm đệ Nhị thiền, trụ một chỗ, nghĩa là tâm chỉ vận hành trong một môn. Tâm cõi Dục hành trong sáu môn. Tâm Sơ thiền hành ở bốn môn. Tâm đệ Nhị thiền hành ở một môn nên nói tâm trụ một chỗ. Không có giác, không có quán: Vì giác quán đã diệt, nên định sinh.

Hỏi: Như Sơ thiền cũng có định, vì sao đệ Nhị thiền nói định, Sơ thiền không nói?

Đáp: Do định của Nhị thiền trong sáng tốt đẹp hơn định của Sơ thiền.

Lại nữa, định trong Nhị thiền xuất định sinh. Định đã được nuôi lớn, sau định hiện ra ở trước. Định là Sơ thiền, định của Sơ thiền là định ban đầu. Từ tâm bất định, về sau hiện ra ở trước. Tâm bất định, là tâm

cõi Dục.

Lại nữa, Sơ thiên có định, bất định, tâm tâm hướng bên trong, có tâm hướng bên ngoài, hoặc duyên với pháp ngoài, hoặc duyên với pháp trong. Đệ Nhị thiên chỉ có định, chỉ hướng bên trong, tâm chỉ duyên với pháp nội.

Lại nữa, do đệ Nhị thiên đã diệt phần căn bản của âm thanh. Phần căn bản của âm thanh, là giác, quán. Như nói người có giác, quán có thể phát ra tiếng nói, chẳng phải không có giác quán. Trong đệ Nhị thiên, không có việc này.

Lại nữa, đệ Nhị thiên nói là pháp vắng lặng của bậc Hiền Thánh. Như Phật bảo Tôn giả Mục-kiền-liên: Ông chớ nên khinh miệt đệ Nhị thiên, vì đây là pháp vắng lặng của bậc Hiền Thánh.

Do những việc như thế, nên nói là định của Nhị thiên, không nói hỷ, lạc của Sơ thiên: Hỷ là hỷ căn, lạc là ý lạc.

Lại nữa, hỷ thuộc về thọ ấm, lạc thuộc về hành ấm. Người nhập đệ Nhị thiên, nếu thành tựu được năm ấm thiện của đệ Nhị thiên, gọi là nhập đệ Nhị thiên lìa hỷ, trụ trong xả, cho đến nói rộng.

Hỏi: Như khi lìa dục của Nhị thiên, đều lìa pháp của đệ Nhị thiên, vì sao Đức Thế tôn chỉ nói lìa hỷ?

Đáp: Như Phật nói: Lìa hỷ, nên biết là đã nói lìa pháp của Nhị thiên.

Lại nữa, do hỷ khó dứt, khó trừ, khó vượt qua.

Lại nữa, do hỷ là nặng có nhiều các lỗi lầm.

Lại nữa, pháp này khi lìa ái của Nhị thiên, thường gây ra trở ngại, khiến cho pháp lìa dục không nối tiếp nhau. Như người giữ cổng, không cho người khác vào. Pháp kia cũng giống như thế.

Lại nữa, hành giả vì đối trị pháp này, nên tu đạo định của tam thiên.

Lại nữa, hành giả vì ghét pháp này, nên đều lìa Nhị thiên.

Lại nữa, vì địa trên của pháp này đều không vận hành.

Do những việc như thế v.v... nên Phật nói lìa hỷ, trụ xả, có thân niệm, tuệ thọ lạc. Thân, là thân ý.

Lại nữa, nếu nói ý thọ lạc, khiến cho thân bốn đại cũng thọ lạc là điều mà Hiền Thánh nói, nên xả bỏ, nghĩa là điều đã nói là vì người khác, lẽ ra phải bỏ, là thân mình.

Hỏi: Như tất cả địa đều là đối tượng các bậc Hiền Thánh đã nói nên bỏ, vì sao Phật chỉ nói đệ Tam thiên nên xả bỏ.

Đáp: Vì đạo của đệ Tam thiên gây ra nhiều trở ngại. Có trở ngại

của địa mình, cũng có trở ngại của địa người. Trở ngại của đạo địa người khác: Nghĩa là hỷ của đệ Nhị thiên nổi, chìm, hời hợt, giống như La-sát, khiến hành giả lìa pháp dục của Nhị thiên, bị suy yếu lui sụt. Trở ngại của đạo địa mình: Địa của đệ Tam thiên lạc thù thắng nhất trong tất cả sinh tử. Hành giả vì sinh tham đắm, nên không cầu pháp lìa dục của địa trên. Vì vậy, nói đạo, là vì người mới tu hành, nói chỗ trở ngại, là đạo của đệ Tam thiên có nhiều trở ngại. Nghĩa là hỷ của đệ Nhị thiên. Các thầy phải nên tu chánh niệm, khi lìa dục của đệ Nhị thiên, chớ để hỷ nhận chìm. Trở ngại của địa mình, nghĩa là lạc hơn hết trong tất cả sinh tử. Các thầy phải dùng chánh tuệ để loại bỏ tham đắm, nên cầu pháp lìa dục của địa trên. Ví như người đi buôn vì các người mới học đi buôn, không biết lỗi lầm của quốc độ, địa phương, nói về việc trở ngại, trong thành này có nhiều nhóm điểm dâm nữ, cờ bạc, rượu chè, lừa đảo. Các thầy phải xa lìa, đừng để cho người dối gạt cướp đoạt tài vật mất hết. Hành giả kia cũng giống như thế. Trụ nơi niệm, lạc, nhập đệ Tam thiên, nếu thành tựu được năm ấm thiện của đệ Tam thiên, thì đó gọi là nhập đệ Tam thiên dứt trừ lạc, cho đến nói rộng.

Hỏi: Khi lìa dục của đệ Tam thiên, đều dứt hết các pháp của đệ Tam thiên, vì sao chỉ nói dứt lạc?

Đáp: Như Phật nói: Dứt trừ lạc, nên biết là đã nói dứt trừ pháp của đệ Tam thiên.

Lại nữa, do lạc khó dứt, khó bỏ, khó vượt qua.

Lại nữa, do lạc là nặng, có nhiều, lỗi lầm.

Lại nữa, khi ưa thích lìa ái của đệ Tam thiên, thường gây ra trở ngại, khiến cho pháp lìa dục không nối tiếp nhau, như người giữ cổng không cho người khác vào, pháp lìa dục ấy cũng giống như thế.

Lại nữa, hành giả vì đối trị pháp này, nên tu đạo định của đệ Tứ thiên.

Lại nữa, hành giả vì ghét pháp này, nên đều lìa đệ Tam thiên.

Lại nữa, pháp này vì ở địa trên đều không có, không hành

Do những việc như thế, nên Phật nói: Dứt lạc, dứt khổ.

Hỏi: Khi lìa dục cõi Dục, hành giả đã dứt trừ cội rễ của khổ, vì sao lúc lìa dục của Tam thiên, nói là dứt khổ?

Đáp: Ở đây, nói đã dứt, gọi là dứt, nói xa, gọi là gần. Như đã đến, gọi là đến. Như nói: Đại vương, từ đâu đến. Đại vương kia đã đến, gọi là đến. Ở đây nói, đã đến gọi là đến. Ngoài ra, nói rộng như trên. Ở đây cũng giống như thế, đã dứt gọi là dứt, xa gọi là gần.

Lại nữa, ở đây nói cả hai pháp, vì rất ráo dứt khổ, vui là cả hai.

Khi lìa ái dục, dù dứt khổ, vui, nhưng vui không dứt rốt ráo. Nên chi lìa dục của đệ Tam thiên, mới dứt lạc rốt ráo

Lại nữa, dứt trừ vui: là vui của đệ Tam thiên. Dứt trừ khổ: là pháp tâm, tâm sở tương ứng với vui của đệ Tam thiên kia.

Lại nữa: Người dứt vui: Là đệ Tam thiên, dứt trừ khổ là hơi thở ra vào của đệ Tam thiên. Hiền, Thánh nghĩ hơi thở ra vào là khổ, còn hơn phàm phu chịu khổ ở địa ngục A-tỳ.

Lại nữa, dứt vui, là vui của đệ Tam thiên. Dứt khổ, cũng là gốc rễ của lạc. Như nói: Vì vô thường nên khổ diệt trước.

Ưu hỷ: Khi lìa ái dục, là diệt ưu căn lúc lìa dục của Nhị thiên là diệt hỷ căn, nên nói: trước diệt ưu, hỷ.

Không khổ, không vui: Nói không khổ, không vui, tức thọ xả, nghĩa là nói người với niệm thanh tịnh hành xả.

Hỏi: Niệm vô lậu của địa dưới cũng là tịnh, vì sao nói niệm của đệ Tứ thiên là tịnh?

Đáp: Vì niệm của đệ Tứ thiên, do không có tám sự, nên gọi là tịnh, nghĩa là không khổ, không vui, Ưu hỷ, giác, quán, hơi thở ra vào. Lại nữa, vì niệm của đệ Tứ thiên kia không gây trở ngại trong ngoài. Trong ba thiên dưới, có trở ngại trong ngoài. Trở ngại trong Sơ thiên, có giác quán như lửa, trở ngại ngoài, nghĩa là bị lửa đốt. Trở ngại trong đệ Nhị thiên: Có sự vui mừng như nước, trở ngại ngoài là: bị nước cuốn trôi. Trở ngại trong đệ Tam thiên: Có hơi thở ra vào như gió. Trở ngại ngoài: bị phân tán do gió, còn đệ Tứ thiên không có trở ngại trong ngoài.

Lại nữa, vì niệm của đệ Tứ thiên không quên mất, Tam thiên bị tai họa theo kịp, niệm có quên mất, niệm của đệ Tứ thiên không bị tai họa theo kịp, nên không quên mất.

Lại nữa, không có phiền não và tai họa. Hoặc có niệm, không có phiền não, hoặc có tai họa, có niệm, hoặc không có tai họa, có phiền não. Hoặc có niệm, không có phiền não. Hoặc không có tai họa, có niệm. Hoặc có phiền não, có tai họa. Hoặc không có phiền não, có tai họa. Niệm vô lậu trong ba thiên, không có tai họa, có phiền não: Niệm hữu lậu trong bốn thiên không có phiền não, không tai họa: Niệm vô lậu trong bốn thiên. Có tai họa, có phiền não: Niệm hữu lậu trong ba thiên và niệm cõi Dục.

Lại nữa, do chủ thể nương dựa, đối tượng nương dựa thanh tịnh: Thân, chỗ nương dựa của đệ Tứ thiên, trong sáng sạch giống như sự sáng suốt đèn, như chỗ nương trong sáng. Niệm của đệ Tứ thiên kia

cũng trong sáng.

Lại nữa, đệ Tứ thiên là chủ thể nương dựa đầy đủ, là địa thù thắng nhất trong các chủ thể nương dựa, là pháp đến bờ bên kia.

Lại nữa, đệ Tứ thiên là chủ thể nương dựa chính giữa, cũng như ngang bằng với trên có ba địa, vô lậu phẩm hạ, có ba địa vô lậu.

Lại nữa, đệ Tứ thiên là định bất động của chỗ nương khắp.

Lại nữa, do đệ Tứ thiên có hai việc rộng:

1. Nơi chốn rộng.

2. Căn thiện rộng.

Lại nữa, xứ của đệ Tứ thiên là nơi các Bồ-tát v.v... nhiều như số cát sông Hằng đều được chánh quyết định, thành tựu chánh đẳng chánh giác vô thượng. Tất cả Bồ-tát đều dựa vào đệ Tứ thiên được chánh quyết định, thành tựu đạo quả Chánh đẳng chánh giác vô thượng.

Lại nữa, do ba loại người tu hành, đều nương vào đệ Tứ thiên, nhập chánh quyết định, được quả, lậu tận.

Ba loại người tu hành là: Phật, Bích-chi Phật, Thanh văn.

Lại nữa, do bốn đại của đệ Tứ thiên thù thắng, hình sắc rất thù thắng.

Lại nữa, do trí đời trước, nên niệm trong đệ Tứ thiên từ cõi Dục đến Tứ thiên đều có thể duyên.

Do những việc như thế v.v... nên Phật nói niệm của đệ Tứ thiên, gọi là tịnh. Người nhập đệ Tứ thiên, nếu thành tựu được năm ấm thiện của đệ Tứ thiên, đó gọi là nhập đệ Tứ thiên.

Kinh Phật nói ưu căn, do Sơ thiên diệt. Khổ căn do đệ Nhị thiên diệt.

Hỏi: Hai căn lúc đều lìa dục đã diệt, vì sao Phật lại nói ưu căn do Sơ thiên diệt, khổ căn do đệ Nhị thiên diệt?

Đáp: Phật nói: Vượt qua pháp đối trị khi lìa dục cõi Dục, mặc dù dứt trừ khổ, nhưng đối trị kia không gọi là vượt qua. Nếu khi lìa đối trị dục của Sơ thiên, đối trị ấy được gọi là pháp quá khứ, thế nào là đối trị kia?

Đáp: Là Sơ thiên.

Lại nữa, trong đây nói tánh vượt qua khi lìa ái dục, dù dứt trừ khổ căn, nhưng không vượt qua tánh kia. thế nào là tánh kia?

Đáp: Là thân thức.

Lại nữa, ở đây nói vượt qua chỗ nương dựa khi lìa ái dục, dù dứt trừ khổ căn, nhưng không qua chỗ nương dựa. Khi lìa dục của Sơ thiên, vượt qua chỗ nương kia. thế nào là chỗ nương dựa?

Đáp: Là thân thức.

Lại nữa, ở đây nói giác quán là khổ. Các bậc Hiền Thánh nghĩ là khổ đối với giác quán còn hơn chúng sinh chịu khổ địa ngục.

Kinh Phật nói: Quân- Đà nên biết. Bốn pháp tâm sở thù thắng này, chắc chắn thọ hiện pháp lạc. Tỳ-kheo hành thiền, nên biết nhập, biết khởi. Quân -Đà nên biết, bốn Vô sắc này vắng lặng, giải thoát, Tỳ- kheo hành thiền phải giải thích cho người khác nghe.

Hỏi: Vì sao nói thiền, gọi là nhận biết. Nói ngôn ngữ Vô sắc, cần phải giải thích cho người khác nghe?

Đáp: Do thiền là pháp thô hiện thấy rõ ràng. Người tu hành, từ thiền khởi.

Lại muốn nhập thiền, Phật nói rằng: Nếu người muốn nhập thì tùy ý. Lại nhập định Vô sắc vi tế không hiện thấy, không rõ ràng. Người hành thiền, xuất định Vô sắc, không muốn nhập lại. Đức Phật nói rằng: Nếu người không muốn nhập lại, thì pháp xuất định, nhập định, nên giải thích cho người khác nghe, chớ quên mất pháp này.

Lại nữa, vì thiền có các thứ pháp không giống nhau, nên người hành thiền xuất thiền rồi, lại muốn nhập trở lại. Phật nói rằng: Nếu người muốn nhập thì tùy ý nhập. Định Vô sắc không có các pháp không tương tự. Người hành thiền xuất rồi, không muốn nhập lại, cho nên, Phật nói rằng: Nếu người không muốn nhập thì pháp xuất định nhập định nên giải thích cho người khác, chớ để quên mất pháp này.

Lại nữa, vì trong thiền có nhiều công đức lợi ích nên người hành thiền đã xuất rồi, lại muốn nhập lại ngay, cho nên Phật nói rằng: Nếu người muốn nhập thì tùy ý nhập. Định Vô sắc không có nhiều công đức lợi ích. Người hành thiền xuất định kia rồi, không muốn nhập lại, cho nên Phật nói rằng: Nếu người không muốn nhập thì phải giải thích cho người khác nghe, đừng để quên mất pháp này.

Lại nữa, pháp soi chiếu khắp của thiền có thể duyên với địa mình, cũng duyên với địa trên, địa dưới. Người hành thiền xuất rồi, lại muốn nhập nên Phật nói rằng: Nếu người muốn nhập thì tùy ý nhập. Định Vô sắc chẳng phải pháp soi chiếu khắp, có thể duyên với địa mình, cũng duyên với địa trên, không thể duyên với địa dưới. Người hành thiền xuất định kia rồi, không muốn nhập lại, cho nên Phật nói rằng: Nếu người không muốn nhập, thì nên giải thích cho người khác nghe, đừng để quên mất pháp này.

Kinh Phật nói: Bốn thiền có bốn lợi ích, bốn định Vô sắc có một lợi ích.

Hỏi: Vì sao Phật nói bốn thiền có bốn lợi ích, còn bốn định Vô sắc chỉ có một lợi ích?

Đáp: Trước đã nói về các lời đáp, ở đây nên nói rộng, lại có hai lời đáp khác nhau:

1. Do thiền có ba thứ: Có giác có quán, không có giác có quán. Không có giác không có quán, nên có bốn lợi ích. Định Vô sắc chỉ có Vô giác Vô quán, cho nên có một lợi ích.

2. Do thiền có các thứ căn là hỷ căn, lạc căn, xả căn, nên có bốn lợi ích.

Định Vô sắc không có các thứ căn, chỉ có một xả căn, nên có một lợi ích.

Hỏi: Thiền và lợi ích có gì khác nhau?

Đáp: Danh là khác nhau: Đó gọi là thiền, đó gọi là lợi ích.

Lại nữa, thiền có ba thứ: Thiện, nhiễm ô, vô ký không ẩn một. Lợi ích chỉ có thiện.

Lại nữa, thiền là hữu lậu, vô lậu. Lợi ích chỉ là vô lậu.

Lại nữa, thiền là lệ thuộc cõi Sắc và không lệ thuộc: Lợi ích đẹp chỉ là không lệ thuộc.

Lại nữa, thiền là Học, Vô học, Phi học Phi Vô học: Lợi ích đẹp chỉ là Học, Vô học.

Lại nữa, thiền là kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không có dứt, lợi ích chỉ là không có dứt. Đó là sự khác nhau giữa thiền, và lợi ích.

Kinh Phật nói bốn thiền là giường, ghế.

Hỏi: Vì sao Phật nói bốn thiền là giường, ghế?

Đáp: Vì là gồm nhiếp cao. Cao, là cao đối với cõi Dục. Gồm thâm: gồm nhiếp các pháp thiện.

Lại nữa, vì các bậc Thánh cảm thấy mỗi một trên đường sinh tử, nên chỉ cho các vị ấy biết chỗ ngồi, như đi đường, mệt mỏi, ngồi trên giường ghế thì sẽ được nghỉ ngơi. Cũng thế, các Thánh cảm thấy mỗi một trên con đường sinh tử, ngồi trên giường ghế bốn thiền, thì sẽ được nghỉ ngơi.

Kinh Phật nói bốn thiền là gió mát.

Hỏi: Vì sao kinh Phật nói bốn thiền là gió mát?

Đáp: Vì có thể dứt trừ nghiệp phiền não nóng bức. Dùng sự mát mẻ của Sơ thiền để chấm dứt cơn nóng bức của nghiệp phiền não cõi Dục. Dùng sự mát mẻ của đệ Nhị thiền để ngăn dứt cơn nóng bức của Sơ thiền. Dùng sự mát mẻ của đệ Tam thiền để ngăn dứt cơn nóng bức của đệ Nhị thiền. Dùng sự mát mẻ của đệ Tứ thiền, để ngăn dứt cơn

nóng bức của đệ Tam thiên.

Kinh Phật nói bốn thiên là thức ăn.

Hỏi: Vì sao kinh Phật nói bốn thiên là thức ăn?

Đáp: Vì pháp thân viên mãn. Như thức uống ăn trong thôn xóm đều đưa về thành, đều vì nuôi lớn thân người trong thành. Cũng thế, căn thiện đã có trong thiên, đều nuôi lớn pháp thân.

Kinh Phật nói: Bà-la-môn nên biết Đệ Tứ thiên là đạo rất ráo.

Hỏi: Vì sao Phật bỏ ba thiên, nói Đệ Tứ thiên là đạo rất ráo?

Đáp: Bà-la-môn kia nghe Phật có tất cả tri kiến.

Lại nghe Như lai do đệ Tứ thiên nên thành tựu đạo chánh đẳng chánh giác vô thượng, nói đệ Tứ thiên là đạo rất ráo, bèn nghĩ rằng: Nếu Sa-môn Cù-đàm nói đệ Tứ thiên là đạo rất ráo, thì chắc chắn có tất cả thấy biết. Bèn đến chỗ Phật, đến rồi, hỏi nghĩa như thế. Đức Phật biết ý nghĩ trong tâm Bà-la-môn kia, bèn xả ba thiên, nói bốn thiên là đạo rất ráo. Bà-la-môn kia nghe rồi, sinh tâm quyết định, cho rằng Phật có tất cả tri kiến. Bà-la-môn ấy cũng gọi là chỗ hành của Như lai, cũng gọi là pháp hiện hành của Như lai. Ví như con voi hoang vào giữa mùa hè, thấy đất mọc đầy cỏ hoa xanh tươi và nước trong các ao, tâm sinh vui vẻ phấn khích, dùng ngà đào đất, rồi đặt chân lên. Như lai cũng thế, cũng dùng hành xả của đệ Tứ thiên, đào đất chỗ biết mà đặt chân trí.

Đạo Như lai: Là trụ nơi Xa-ma-tha (Chỉ). Sở hành của Như lai là trụ trong Tỳ-bà-xá-na (Quán). Pháp hiện hành của Như lai là cả hai pháp này đều trụ.

Kinh Phật nói bốn thiên là lạc trụ.

Hỏi: Vì sao Phật nói bốn thiên là lạc trụ?

Đáp: Vì dễ sinh an vui. Thiên căn bản do dễ sinh nên là vui. Các bên và định Vô sắc, vì khó sinh nên là khổ. Có sự khó sinh nào?

Đáp: Vì bị nghiệp phiền não cỡi Dục ràng buộc, nên thiên Vị chí khó sinh hiện ở trước. Như người dùng nhiều công sức trói buộc lại tay mình một cách chắc chắn, sau đó tự cởi trói. Cũng thế, vì bị phiền não cỡi Dục ràng buộc, nên phải dùng nhiều công sức, sinh nơi đạo của địa kia hiện ở trước. Hoặc có người dùng quán bất tịnh khởi đạo của địa kia hiện ở trước. Hoặc có người dùng niệm quán số tức. Người dùng quán bất tịnh, hoặc tu tưởng xương trắng trong mười năm, mười hai năm. Hoặc có người có thể khởi địa kia, hoặc có người không thể khởi, dùng niệm quán số tức hoặc trong mười năm, mười hai năm thường đếm hơi thở ra vào. Hoặc có người có thể khởi địa kia, hiện ở trước. Hoặc có người không thể, đã dứt ái dục, không dùng nhiều công sức, khởi Sơ

thiền hiện ở trước. Tâm khác diệt, khởi tâm khác hiện ở trước. Tâm thô diệt, khởi tâm tế hiện ở trước, đi chung với giác, tâm diệt, khởi đi chung với quán, tâm hiện ở trước. Như người dùng gỗ chẻ gỗ, phải dùng nhiều công sức, sau đó mới chẻ. Cũng thế, tâm khác của Sơ thiền diệt, tâm khác hiện ở trước. Tâm thô diệt, tâm tế hiện ở trước, đi chung với giác. Tâm diệt đi chung với quán, tâm hiện ở trước, dùng nhiều công sức cũng giống như thế. Nếu lìa dục của Sơ thiền thì không dùng nhiều công sức. Khởi đệ Nhị thiền hiện ở trước, lìa dục của đệ Nhị thiền, khởi đệ Tam thiền hiện ở trước lìa dục của đệ Tam thiền, khởi đệ Tứ thiền hiện ở trước, cũng giống như thế. Nếu lìa dục của đệ Tứ thiền, khởi Không xứ hiện ở trước, cũng không dùng nhiều công sức.

Hỏi: Vì sao không gọi là lạc đạo?

Đáp: Vì định Vô sắc vi tế. Hoặc có thuyết nói: Không có định Vô sắc. Như cư sĩ Lê-tỳ-bà đến chỗ Tôn giả A-nan nói rằng: Tôi là người tại gia trong đêm dài sinh tử ưa đắm sắc, thanh, hương, vị, xúc, nghe nói định Vô sắc, tâm sanh sợ hãi như sắp rơi xuống hố sâu, vì sao chúng sinh mà không có sắc?

Lại nữa, vì khi đi thì vui. Ví như hai người cùng muốn đến một phương:

1. Người đi đến từ đường bộ.
2. Người đi đến từ đường thủy.

Mặc dù cùng đến một phương nhưng người đi từ đường thủy thì vui người đi từ đường bộ thì khổ. Cũng thế, vô biên chúng sinh khi được lìa dục, hoặc dựa vào thiền căn bản. Hoặc dựa vào các bên và định Vô sắc, mặc dù đều được lìa dục, nhưng người dựa vào thiền căn bản thì vui, người dựa vào các biên, định Vô sắc thì khổ.

Lại nữa, nếu xứ sở có hai thứ vui: Vui thọ và Vui khinh an, trong ba thiền có hai thứ vui. Trong đệ Tứ thiền, dù không có thọ, nhưng có ý lạc còn hơn thọ vui.

Lại nữa, có hai thứ vui:

1. Niềm vui của người ở lâu.
2. Niềm vui của khách.

Người ở lâu vui, như trụ trong thiền, xuất thiền hiện ở trước. Niềm vui của khách: như trụ thiền, khởi định Vô sắc hiện ở trước.

Lại nữa, trong đây có người không nào hại chúng sinh nên niềm vui có thể đạt được. Như nói: Nếu không nào hại người khác, thì đó gọi là niềm vui.

Lại nữa, nếu khởi thiền căn bản hiện ở trước, thì khắp thân bốn

đại hòa diệu. Nếu khởi các biên hiện ở trước, thì tâm được bốn đại mềm diệu vây quanh.

Lại có thuyết nói: Khởi các biên hiện ở trước, cũng khắp thân bốn đại hòa diệu, nhưng không bằng khởi thiền căn bản hiện ở trước. Ví như hai người đồng tắm gội trong một ao: Một người tắm sát bờ ao, một người lội ra giữa ao. Mặc dù cùng tắm gội, nhưng người lội ra giữa ao làm cho thân bốn đại được thấm nhuần hơn. Người khởi các biên kia cũng giống như thế.

Lại nữa, vì có hai pháp ở chung một chỗ, vì cùng sinh. Hai pháp đó là định và tuệ. Thiền Vị chí, Trung gian, tuệ nhiều, định ít. Nơi định Vô sắc thì định nhiều, tuệ ít, thiền căn bản thì phát sinh định, tuệ bằng nhau.

Lại nữa, có hai pháp bằng nhau, vì cùng sinh. Hai pháp là định và tinh tiến. Mặc dù tinh tiến, tất cả địa đều khắp nhiều, do sức của thiền căn bản, nên khi hai pháp sinh đều bằng nhau.

Lại nữa, dứt có hai thứ: Có nhiều dụng công, không có công dụng nhiều. Các biên, định Vô sắc, nếu có chỗ dứt, thì dụng công nhiều. Nếu thiền căn bản có chỗ dứt, thì sẽ không dùng nhiều công sức. Ví như hai người cỡi ngựa, đều cùng đi đến một địa phương. Người cỡi ngựa đã được điều phục, không dùng nhiều công sức. Người cỡi ngựa chưa điều phục, thì phải sử dụng công sức nhiều. Cũng thế, khi các chúng sinh lìa dục hoặc dựa vào thiền căn bản, hoặc nương dựa định Vô sắc, các biên. Nếu người nương theo thiền căn bản, thì dụng công không nhiều, nếu người vào các bên, định Vô sắc thì phải sử dụng nhiều công sức.

Lại nữa, do khi tu đạo được yên vui. Ví như nhiều người lội qua sông: hoặc có người dùng bó cỏ, hoặc dùng phao nổi, hoặc dùng thuyền, thuyền buồm. Mặc dù mọi người đều xuất phát từ bờ bên này để cùng qua đến bờ bên kia, nhưng người đi thuyền buồm thì được yên vui. Người tu đạo kia cũng giống như thế.

Do những việc như thế, nên kinh Phật nói thiền căn bản là lạc trụ. Như lạc trụ, xúc trụ, lạc xúc trụ cũng giống như thế.

Bốn Vô lượng: Từ, bi, hỷ, xả.

Hỏi: Vì sao thứ lớp của thiền nói là Vô lượng?

Đáp: Vì Vô lượng từ trong thiền sinh.

Lại nữa, vì Vô lượng là công đức khác trong thiền. Do việc này, nên thứ lớp của thiền được nói là Vô lượng.

Hỏi: Thể tánh của Vô lượng là gì?

Đáp: Từ bi là căn thiện không có giận dữ. Đối trị sự giận dữ, nhận

lấy pháp cộng hữu tương ứng, xoay lại thể tánh là bốn ấm, năm ấm. Người cõi Dục là bốn ấm, cõi Sắc là năm ấm.

Hỏi: Hai loại ấm đều là căn thiện không có giận dữ, đối trị với sự giận dữ. Từ đối trị với sự giận dữ nào? Bị đối trị với sự giận dữ nào?

Đáp: Sự giận dữ, hoặc có người muốn giết hại chúng sinh, hoặc có người muốn đánh đập chúng sinh. Nếu vì giận dữ, muốn giết hại chúng sinh, thì dùng từ đối trị, giận dữ muốn đánh đập chúng sinh, thì dùng bị đối trị.

Lại nữa, sự giận dữ có hai thứ:

1. Chỗ nên giận dữ mà giận dữ.
2. Chỗ không nên giận dữ mà giận dữ.

Từ thì đối trị với chỗ nên giận dữ mà giận dữ, bị thì đối trị chỗ không nên giận dữ mà giận dữ. Hỷ là hỷ căn, nhận lấy pháp cộng hữu, tương ứng, xoay lại. Thể của hỷ là bốn ấm, năm ấm: cõi Dục là bốn ấm, cõi Sắc là năm ấm.

Hỏi: Nếu thể của hỷ là hỷ căn, thì theo thuyết phái Ba-già-la-na đã nói làm sao hiểu được? Như nói: Thế nào là Hỷ? Đáp: Hỷ tương ứng với thọ, tưởng, hành, thức và từ đó khởi nghiệp, thân, miệng, từ đó khởi tâm bất tương ứng hành, đó gọi là hỷ.

Vì thọ lại nên thọ?

Đáp: Theo văn của phái Ba-già-la-na, nên nói rằng: Hỷ tương ứng với tưởng, hành, thức, cho đến nói rộng.

Không nên nói thọ mà không nói là có ý gì?

Đáp: Vì người tụng lầm lẫn.

Lại nữa, theo phái Ba-già-la-na nói thì Vô lượng thể tánh là năm ấm, mặc dù không tương ứng với thọ, nhưng vẫn tương ứng với pháp số khác.

Lại có thuyết nói: Hỷ tự có thể, là pháp tâm sở tương ứng với tâm.

Hoặc có thuyết nói: Là hỷ căn có thể được trong nhóm tâm sở.

Hoặc có thuyết nói: Là hỷ căn, về sau sinh ra xả, là căn thiện vô tham. Đối trị với tham, nhận lấy pháp cộng hữu tương ứng, xoay lại. Thể là bốn ấm, năm ấm. Cõi Dục là bốn ấm, cõi Sắc là năm ấm. Đây là Vô lượng thể tánh.

Đã nói về thể tánh tướng của chúng thế nào?

Đáp: Thể tánh tức là tướng, tướng tức là thể tánh. Các pháp không thể bỏ thể tánh, lại nói riêng về tướng.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Tướng làm lợi ích là từ, trừ tướng không

lợi ích là bi, tướng tùy hỷ là hỷ, tướng buông bỏ là xả.

Đã nói Vô lượng thể tướng. Về lý do nay sẽ nói:

Vì sao gọi là Vô lượng? Vô lượng là nghĩa gì?

Đáp: Vì đối trị hý luận, nên gọi là Vô lượng.

Hỏi: Nếu đối trị với hý luận là Vô lượng, hý luận có hai thứ:

1. Hý luận ái.

2. Hý luận kiến.

Dùng Vô lượng nào để đối trị hý luận nào?

Đáp: Vô lượng không thể dứt trừ kiết, hoặc dùng Vô lượng để đối trị ái. Hoặc dùng Vô lượng để đối trị kiến, nếu lấy đối trị gần, thì từ, bi là đối trị gần của kiến. Vì sao? Vì chúng sinh hành kiến thường ưa giận dữ. Hỷ, Xả là đối trị gần của ái. Vì sao? Vì chúng sinh hành ái, đa số đều ưa gần nhau.

Lại nữa, vì pháp đối trị buông lung, nên gọi là Vô lượng. Buông lung là các phiền não cõi Dục. Nhưng pháp nào là đối trị gần đó là bốn Vô lượng.

Lại nữa, là nơi chốn dạo chơi của các Hiền Thánh, gọi là hoan hỷ. Như người giàu sang có nhiều chốn dạo chơi, như vườn, rừng, thể nữ, đi săn v.v..., gọi là chốn hoan hỷ. Nơi dạo chơi của Hiền Thánh kia cũng giống như thế.

Giới: Ở cõi Dục, cõi Sắc. Địa là: Từ, bi, xả trong mười địa có thể được, nghĩa là bốn thiền căn bản, bốn thiền biên, thiền trung gian cõi Dục. Hỷ ở ba địa Sơ thiền, Nhị thiền cõi Dục.

Lại có thuyết nói: Sơ thiền, đệ Nhị thiền không có Bi. Vì sao? Vì hỷ của Sơ thiền, đệ Nhị thiền là ái của địa mình. Hỷ căn là hành vui vẻ, phấn khích. Bi là hành lo buồn. Nếu Sơ thiền, đệ Nhị thiền có bi, thì sẽ có hạnh vui vẻ, phấn khích trong nhóm nhất tâm, cũng có hạnh lo buồn.

Hỏi: Sơ thiền, đệ Nhị thiền có hạnh nhàm chán vô lậu hay không?

Đáp: Hạnh nhàm chán vô lậu là quán thật. Tùy quán thật kia, tâm sinh hỷ, tùy thuộc vào sự sanh tử vui mừng, tức muốn lại biết. Như người vì vật, báu nên đào đất vừa đào đất liền được vật báu, vừa được vật báu thì lại đào nữa. Sự muốn biết lại kia cũng giống như thế, chẳng phải quán lường dối.

Lời bình: Nên nói rằng: Sơ thiền, đệ Nhị thiền có Bi. Chỗ nương: Nương vào cõi Dục. Hạnh Từ là hành ban vui, bi là hành cứu khổ, Hỷ là hành hoan hỷ, xả là hành buông bỏ.

Duyên nơi: Đều duyên với cõi Dục, duyên với nhóm, duyên với chúng sinh, duyên với năm ấm, hai ấm cõi Dục. Nếu chúng sinh duyên với trụ nơi tâm mình, và chúng sinh thì duyên với năm ấm. Nếu duyên với trụ nơi tâm người khác và chúng sinh, vô tâm, là duyên với hai ấm.

Lại có thuyết nói: Vô lượng của Sơ thiên duyên với cõi Dục. Đệ Nhị thiên Vô lượng duyên với Sơ thiên cõi Dục. Đệ Tam thiên Vô lượng duyên với Sơ thiên cõi Dục. Đệ Tứ thiên Vô lượng duyên với Sơ thiên, đệ Nhị thiên, đệ Tam thiên cõi Dục.

Lại có thuyết nói: Sơ thiên Vô lượng duyên với Sơ thiên cõi Dục, cho đến đệ Tứ thiên Vô lượng duyên với cõi Dục, cho đến đệ Tứ thiên.

Lại có thuyết nói: Từ duyên với Sơ thiên, đệ nhị, đệ Tam thiên cõi Dục. Vì sao? Vì hành từ là hành cho vui, vì trong ba thiên cõi Dục có lạc thọ. Bi duyên với cõi Dục. Vì sao? Vì hành bi là hành cứu khổ, có khổ thọ trong cõi Dục, Hỷ duyên với Sơ thiên, đệ Nhị thiên cõi Dục. Vì sao? Vì hành hỷ là hành hoan hỷ. Sơ thiên, đệ Nhị thiên cõi Dục, vì có hỷ căn, xả duyên với cõi Dục, cho đến đệ Tứ thiên. Vì sao? Vì hạnh xả là hạnh buông lung cõi Dục cho đến đệ Tứ thiên vì có xả.

Lời bình: Như thuyết trước nói là tốt. Vô lượng đều duyên với cõi Dục, duyên với nhóm, duyên với niệm xứ của chúng sinh: Đều có với pháp niệm xứ.

Cùng với trí: Đi chung với đẳng trí.

Tam-muội: Không đi chung với tam-muội.

Căn: Đều tương ứng với ba căn, đó là lạc căn, hỷ căn, xả căn.

Đời: Là đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại.

Duyên ba đời: Quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, vị lai là bất sinh, là duyên với ba đời.

Là sinh, nghĩa là duyên với vị lai.

Thiện, bất thiện vô ký: nghĩa là thiện duyên với thiện, bất thiện, vô ký: Ba thứ đều duyên với bất thiện, vô ký.

Là lệ thuộc ba cõi, không lệ thuộc: Là lệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc.

Duyên nơi lệ thuộc, không lệ thuộc nơi ba cõi: Duyên lệ thuộc cõi Dục.

Về Học, Vô học, Phi học Phi Vô học: Là Phi học Phi Vô học. Duyên nơi Học, Vô học, Phi học Phi Vô học là duyên với Phi học Phi Vô học.

Kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không có dứt: Là tu đạo dứt. Duyên nơi kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không dứt: Duyên với kiến đạo, tu đạo dứt. Duyên với danh, duyên với nghĩa: Cả hai đều duyên với danh, nghĩa. Duyên với thân mình, thân người và chẳng phải thân: Là duyên với thân người.

Vì là ly dục đắc hay là phương tiện đắc? Là ly dục đắc, cũng là phương tiện đắc. Ly dục đắc: Là dục cõi Dục, được Sơ thiên. Là dục của Sơ thiên được đệ Nhị thiên. Là dục của đệ Nhị thiên, được đệ Tam thiên. Là dục của đệ Tam thiên, được đệ Tứ thiên.

Lý dục đắc của đệ Tứ thiên, là mới được, hay vốn được. Vừa là mới được, vừa là vốn được. Thân sau vừa của bậc Thánh, phàm phu, vừa là mới được, cũng là vốn được. Phàm phu khác chỉ là vốn được.

Phương tiện đắc: Vì phương tiện nên khởi hiện ở trước. Phật không dùng phương tiện khởi hiện ở trước. Bích-chi Phật dùng phương tiện phẩm hạ khởi hiện ở trước. Thanh văn hoặc dùng phương tiện phẩm trung, hoặc dùng phương tiện phẩm thượng, khởi hiện ở trước.

Hỏi: Thế nào là sinh khởi Vô lượng?

Đáp: Từ do phần thân mà sinh, khi hành giả khởi tâm từ, tất cả chúng sinh đều có ba phần:

1. Phần thân thích.
2. Phần kẻ thù.
3. Phần chẳng phải thân thích, chẳng phải oán.

Phần thân thích lại có ba thứ, đó là hạ, trung, thượng. Phần kẻ thù cũng thế, phần chẳng thân, oán, chỉ có một thứ. Trong phần thân thích ở trên, người có ơn sâu nặng, đó là cha mẹ, các bậc Hòa thượng, A-xà-lê, và người phạm hạnh, trí tuệ và nơi tôn trọng khác. Đối với chúng sinh kia, trước thực hành quán vui, các chúng sinh này đều khiến được vui. Tâm này ngang bướng khó điều phục, vì từ vô thủy đến nay thường tập theo tâm ác. Đối với chúng sinh tuy có ân nặng như thế, vẫn không thể làm cho tâm thiện được trụ, lại ép buộc trở lại tâm ác, khiến trụ nơi pháp kia. Ví như có người ném mạnh hạt cải vào đầu chùy nhọn, rất khó có thể dính vào đầu chùy. Tập ném không dừng, sau mới dính được. Hành giả kia cũng vậy. Nếu có thể quán phần chúng sinh thân thích phẩm thượng ấy đều khiến họ được vui. Kế là quán phần chúng sinh thân phẩm trung, kế là quán phần chúng sinh thân phẩm hạ. Nếu có thể đều quán chúng sinh của phần thân thích, đều làm cho họ được vui. Kế là quán người ở phần chẳng thân thích chẳng oán. Kế là quán kẻ thù phẩm hạ. Kế là quán kẻ thù phẩm trung. Tiếp là quán kẻ thù nơi

phẩm thượng, chúng sinh đều muốn cho được vui, nếu có thể quán tất cả chúng sinh như thế, đều khiến cho được vui. Chúng sinh thân thích như trên, đối với chúng sinh thù oán như trên, đều bằng nhau không khác, đây tức là thành tựu. Đối với Từ, Bi, Hỷ cũng thế. Xả là nhân nơi chúng sinh chẳng thân, chẳng oán mà khởi. Vì sao? Vì bỏ người thân, sinh tâm ái, bỏ người oán sinh tâm giận dữ. Cho nên, trước là xả đối với chúng sinh chẳng thân, chẳng oán. Kế là xả kẻ oán phẩm hạ. Kế là xả kẻ oán bậc trung. Kế là xả kẻ oán bậc thượng. Vì sao? Vì tâm giận dữ dễ bỏ, chẳng phải như tâm ái. Kế là: xả người thân bậc hạ, bậc trung, bậc thượng. Nếu đối với tất cả chúng sinh có thể hành quán xả như vậy, tâm tức là bình đẳng, không có phân biệt, giống như chiếc cân, như khu rừng cây không có khác nhau. Quán các chúng sinh cũng giống như vậy. Đây là thành tựu tâm xả.

Hỏi: Những người nào có thể khởi Vô lượng? Những người nào không thể khởi Vô lượng?

Đáp: Người có hai loại: Một là loại ưa tìm lỗi người, hai là loại ưa tìm điều tốt của người. Nếu là loại một thì không thể dấy khởi Vô lượng. Vì sao? Vì cho đến đối với thân A-la-hán, cũng còn tìm lỗi của bậc ấy vì có gì để phá, có gì thật, có gì cấu khiến ta phải quở trách? Nếu là người ưa kiếm tìm điều tốt kẻ khác, thì có thể khởi tâm Vô lượng. Vì sao? Vì cho đến kẻ dứt căn thiện, ở bên họ cũng còn tìm ra điều tốt.

Hỏi: Kẻ dứt căn thiện, không có các điều thiện, làm sao ở gần kẻ ấy tìm ra được điều thiện?

Đáp: Tuy không có thiện hiện tại, nhưng có nghiệp báo của thiện quá khứ, khiến kẻ ấy thân tướng xinh đẹp, sinh trong tộc họ giàu có, lời nói có uy đức, họa rộng, biện biệt khéo, chọn lấy các tướng như vậy sinh ra niệm thiện: người ấy từng hành tốt đẹp mới có quả báo như thế.

Hỏi: Bốn Vô lượng này, như thuyết mà sinh, hay là thuyết khác sinh khác?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Như thuyết mà sinh. Vì sao? Vì hành giả trước muốn làm lợi ích cho chúng sinh. Tướng lợi ích cho chúng sanh là từ, cho nên Đức Thế tôn trước nói tâm từ, kế nói việc trừ bỏ điều không lợi ích. Tướng của trừ bỏ việc không lợi ích là Bi, do đó Đức Thế tôn, kế Từ là nói Bi. Nếu ban cho lợi ích, trừ bỏ việc không lợi ích, kế là sinh hoan hỷ. Tướng hoan hỷ là Hỷ, vì vậy Đức Thế tôn, kế Bi là nói Hỷ. Kế là xả nơi chúng sinh, tướng phóng xả là Xả, do đấy Đức Thế tôn nói xả sau cùng.

Lại có thuyết nói: Hành giả trước khởi bi, sau khởi từ, hỷ xả. Vì

sao? Vì trước trừ bỏ việc không làm lợi ích cho chúng sinh, sau ban cho họ lợi ích. Kế sinh Hỷ, kế là sinh xả.

Tôn giả tăng-già-bà-tu nói: Hai Vô lượng xoay vần chế ngự nhau. Nếu trước khởi bi, tất nhiên kế sẽ khởi Hỷ. Vì sao? Vì bi là lo lắng. Hỷ là hoan hỷ. Nếu trước khởi hỷ, kế phải khởi bi. Vì sao? Vì Hỷ là trao cử, bi là chế ngự trao cử.

Lời bình: Nên nói rằng: Vô lượng không như thuyết mà khởi. Vì sao? Vì hành giả hoặc có khi trước khởi từ, cho đến xả, hoặc có khi trước khởi xả, cho đến từ, hoặc có khi được từ không được đức khác. Hoặc có khi cho đến được xả, không được đức khác.

Vô lượng không có thứ lớp thuận, thứ lớp nghịch, thuận siêu việt, nghịch siêu việt. Như giải thoát, trừ nhập (thắng xứ), hết thấy nhập (biến xứ). Vô lượng kia cũng giống như thế.

Hỏi: Từ theo thứ lớp, có thể khởi bi, hỷ, xả hay không?

Đáp: Trong Kiên-độ Định có nói: Thế nào là tam-muội Tâm niệm Từ? đáp: Niềm vui của chúng sinh,... cho đến. Thế nào là tam-muội Tâm niệm xả?

Đáp: Chúng sinh xả.

Hoặc có thuyết nói: Văn này là hành cùng sinh

Hoặc có thuyết nói: Thứ lớp này là duyên với hành. Nếu nói là hành cùng sinh, thì Từ theo thứ lớp có thể khởi bi, hỷ, xả. Nếu nói là theo thứ lớp duyên với hành, thì Từ theo thứ lớp không thể khởi Bi, Hỷ, Xả.

Hỏi: Nếu không khởi Vô lượng của địa Sơ thiên thì có thể khởi Vô lượng của địa đệ Nhị thiên hay không? Cho đến không khởi Vô lượng của địa đệ Tam thiên, có thể khởi Vô lượng của địa đệ Tứ thiên hay không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không thể. Vì sao? Vì Vô lượng của địa Sơ thiên là chỗ nương dựa của môn phương tiện nơi Vô lượng của địa đệ Nhị thiên, cho đến Vô lượng của địa đệ Tam thiên, là chỗ dựa của môn phương tiện nơi Vô lượng của địa đệ Tứ thiên.

Lại có thuyết nói: Có thể. Nếu hành giả đối với địa kia được tự tại, tức là dựa vào địa đó nên có thể khởi Vô lượng hiện ở trước.

Hỏi: Vì Vô lượng của địa Sơ thiên, về sau sinh Vô lượng của địa đệ Nhị thiên một cách nhanh chóng chăng? Cho đến Vô lượng của địa đệ Tam thiên, về sau sinh Vô lượng của địa đệ Tứ thiên nhanh chóng. Hay vì Vô lượng của địa đệ Tứ thiên, về sau sinh Vô lượng của địa đệ Tam thiên nhanh chóng? Cho đến Vô lượng của địa đệ Nhị thiên, về sau

sinh Vô lượng của Sơ thiên nhanh chóng.

Đáp: Vô lượng của địa đệ Nhị thiên về sau sinh Vô lượng của địa Sơ thiên nhanh chóng, cho đến Vô lượng của địa đệ Tứ thiên, về sau sinh Vô lượng của địa đệ Tam thiên nhanh chóng. Không phải Vô lượng của địa Sơ thiên về sau sinh Vô lượng của đệ Nhị thiên nhanh chóng, cho đến chẳng phải Vô lượng của địa đệ Tam thiên về sau sinh Vô lượng của địa đệ Tứ thiên nhanh chóng. Như người trước học sách Phạm, sau học sách Khư-lâu nhanh chóng, chứ chẳng phải trước học sách Khư-lâu sau học sách Phạm nhanh chóng.

Hỏi: Vô lượng của địa Sơ thiên, theo thứ lớp có thể sinh Vô lượng của địa đệ Nhị thiên hay không? Cho đến Vô lượng của địa đệ Tam thiên, theo thứ lớp có thể sinh Vô lượng của địa đệ Tứ thiên hay không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Có thể. Vô lượng của địa Sơ thiên theo thứ lớp sinh Vô lượng của địa đệ Nhị thiên, cho đến Vô lượng của địa đệ Tam thiên, theo thứ lớp sinh Vô lượng của địa đệ Tứ thiên.

Lại có thuyết nói: Không thể. Vì sao? Vì Vô lượng, tất nhiên cần phương tiện, mà phương tiện thì phải có địa mình giống nhau làm phương tiện khởi Từ, cho đến khởi Xả.

Quán có ba thứ:

1. Quán tướng riêng.
2. Quán tướng chung.
3. Quán tướng hư giả.

Quán tướng riêng: Như quán đất là tướng cứng chắc, quán nước là tướng ẩm ướt, quán lửa là tướng nóng, quán gió là tướng lay động.

Quán tướng chung: Như mười sáu hạnh Thánh đều quán.

Quán tướng hư giả: Như bất tịnh, niệm An-na-ban-na, niệm Vô lượng, giải thoát Thắng xứ, Nhất thiết nhập, đều quán Vô lượng, là quán tướng hư giả trong ba thứ quán.

Hỏi: Lúc hành giả quán niệm vui của chúng sinh, vì lấy vui của xứ nào để làm cho chúng sinh vui?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Lấy niềm vui của đệ Tam thiên. Vì sao? Vì vui của đệ Tam thiên là niềm vui hơn hết trong tất cả sinh tử. Nếu nói như thế thì người không khởi đệ Tam thiên, tức không thể khởi Vô lượng.

Lại có thuyết nói: Đời quá khứ từng được niềm vui của đệ Tam thiên, do địa đệ Tam thiên, niệm về trí đời trước, quán niềm vui của đệ Tam thiên kia xong, dùng niềm vui đó làm cho chúng sinh vui. Như nói rằng: Nếu người không được địa đệ Tam thiên, niệm trí đời trước, thì

không thể khởi Vô lượng.

Lại có thuyết nói: Do gần chỗ tạo nên niềm vui, như niềm vui uống ăn, niềm vui đi xe cộ, niềm vui của xiêm y, niềm vui của đồ nằm. Dùng tướng vui như thế v.v..., làm cho chúng sinh vui.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Hành giả dùng những niềm vui nào làm cho chúng sinh vui? Đáp: Chúng sinh có niềm vui, nghĩa là do tướng như thế khiến cho chúng sinh được vui. Nếu nói rằng: Từ thì không thể duyên với tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh không hẳn đều có vui.

Lại nữa, chúng sinh có lạc căn, do tướng như thế làm cho chúng sinh vui. Nếu nói rằng: Từ thì không thể duyên tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh không thể khởi lạc căn bất cứ lúc nào cũng hiện ra ở trước.

Lại nữa, chúng sinh có niềm vui uống ăn, niềm vui đi xe cộ niềm vui của xiêm y, niềm vui về đồ nằm. Do tướng vui như thế, làm cho chúng sinh vui. Nếu nói rằng: Từ không thể duyên với tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh không hẳn đều được vui như thế.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Do niềm vui về sự thấy biết, chấp lấy tướng mạo như thế, do tâm thương xót, làm cho chúng sinh vui. Như lúc vốn dùng phương tiện, nếu dựa vào làng để ở, hoặc dựa vào thành để ở, do phân trước là sự mặt trời, nếu đi vào xóm làng khát thực, thấy chúng sinh chỉ thọ vui, hoặc đi bằng cỡi voi, ngựa, xe, kiệu, hoặc tai đeo vòng châu ngọc, hoặc dùng các thứ anh lạc trang nghiêm thân, cũng như thiên tử. Hoặc thấy người chỉ thọ khổ, như không có xiêm y, thức ăn uống, đầu tóc rối bù, tay chân lở loét, cầm bát đất bể, xin ăn từ nhà người khác, nhận lấy tướng của chúng sinh khổ, vui như thế, nhanh chóng trở lại trú xứ, rửa chân, đến chỗ an tọa, ngồi kiết già để cho thân tâm được nhu hòa, thân không chướng ngại, tâm không chướng ngại, quán trước đã nhận lấy tướng vui của chúng sinh, thường khiến cho họ được vui, đối với chúng sinh khổ, sao cho họ có được niềm vui mà trước kia họ đã thấy.

Hỏi: Chúng sinh được quán, không phải đều được vui, vì sao quán này chẳng phải điên đảo?

Đáp: Vì điều thiện của chúng sinh kia chẳng phải điên đảo, Do từ tâm làm lợi ích mà khởi, vì từ tâm thiện khởi, vì từ tâm thương xót khởi, vì từ tâm chánh quán khởi, vì tương ứng với căn thiện, vì tương ứng với hổ, thẹn, nên chẳng phải điên đảo. Điên đảo có hai thứ:

1. Thế điên đảo.

2. Duyên điền đảo.

Quán kia dù là duyên với điền đảo, nhưng chẳng phải thể điền đảo.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Không vì trụ trong từ, nên khiến chúng sinh vui, chỉ dùng pháp này làm phương tiện, có thể chế ngự giận dữ, dứt trừ kiết.

Tôn giả Phật-đà-đê-bà nói: Quán này nên nói không điền đảo. Vì sao? Vì trái với giận dữ.

Kinh Phật nói: Nếu dùng tâm từ không oán, không giận dữ, không hại, khéo tu tâm này, làm cho rộng lớn Vô lượng. Quán như thế đầy đủ một phương, hai phương, ba phương, bốn phương, phương trên, phương dưới cũng giống như thế, đều dùng tâm từ quán tất cả nơi chốn, tất cả chúng sinh.

Hỏi: Từ này duyên với chúng sinh, vì sao nói đầy đủ ở một phương?

Đáp: Văn kinh này lẽ ra phải nói rằng: Nếu dùng tâm từ không oán, không giận, không hại, khéo tu tâm này, sao cho rộng lớn Vô lượng. Quán như thế, đầy đủ chúng sinh ở phương Đông, chúng sinh ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, cho đến nói rộng mà không nói là có ý gì?

Đáp: Chúng sinh ở đây dùng phương để gọi là nói, như dùng đồ đựng để bảo cho ta biết vật trong đồ đựng, đều dùng tâm Từ để quán tất cả xứ, tất cả chúng sinh.

Hỏi: Quán Vô lượng này, là dùng phương, dứt, hay dùng chúng sinh? Nếu dùng phương dứt thì làm sao hiểu được thuyết này? Như nói: Đều dùng tâm từ quán tất cả xứ, tất cả chúng sinh. Nếu dùng chúng sinh thì vì sao không được phần chúng sinh nơi ven biển?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì dùng phương, dứt.

Hỏi: Nếu vậy thì như thuyết kia đã nói, làm sao hiểu được? Như nói: Đều dùng tâm Từ quán tất cả xứ tất cả chúng sinh?

Đáp: Có hai thứ tất cả: Tất cả của tất cả, và tất cả của phần ít.

Trong đây là nói: Tất cả của phần ít.

Lại có thuyết nói: Vì chúng sinh.

Hỏi: Nếu vậy, vì sao không được phần chúng sinh nơi ven biển?

Đáp: Nếu dùng việc này sẽ được phần chúng sinh nơi ven biển, lại có lỗi gì? Chỉ chúng sinh bên ven biển có thể được. Vì chung, nên chẳng phải tướng riêng, Như tất cả chúng sinh đều là bốn sinh, ngoài bốn sinh, thì không còn có chúng sinh.

Lại có thuyết nói: Vô lượng của Phật đều là bên cạnh chúng sinh. Vô lượng của Thanh văn, Bích-chi Phật đều dùng phương, dứt.

Lại có thuyết nói: Vô lượng của Phật, Bích-chi Phật đều là bên cạnh chúng sinh. Vô lượng của Thanh văn thì dùng phương, dứt.

Lời bình: Nên nói rằng: Việc ấy không nhất định. Vì sao? Vì đây là quán tướng hư giả, hoặc có nơi chốn đều là bờ mé của chúng sinh, hoặc có người dùng phương, dứt.

Hỏi: Quán lạc của một chúng sinh, hay quán lạc của nhiều chúng sinh?

Đáp: Đầu tiên, lúc khởi quán là nhiều chúng sinh. Vì sao? Vì Vô lượng là duyên nhóm duyên với pháp chúng sinh. Nếu sau khi thành mãn, vừa duyên với một chúng sinh, vừa duyên với nhiều chúng sinh.

Kinh Phật nói: Các Tỳ-kheo! Lúc lên bảy tuổi ta đã tu tập tâm Từ, nên đã bảy lần trải qua kiếp thành, hoại, không sinh lại ở đây. Khi thế giới tan hoại, ta sinh lên tầng trời Quang Âm. Lúc thế giới thành ta sinh lên tầng trời Phạm thế. Ta đã từng làm Đại Phạm thiên vương, bậc tôn quý trong các Phạm, không ai hơn ta. Ta đã được tự tại trong một ngàn thế giới, ba mươi sáu lần làm Đế-thích, cũng trong Vô lượng đời làm Chuyển luân Thánh vương, chủ bốn binh chủng, thường dùng chánh pháp hàng phục chúng sinh, thành tựu bảy báu cho đến nói rộng.

Trong bảy tuổi, nghĩa là bảy mùa mưa, mùa tốt đẹp của đời xưa, Bồ-tát làm vua một vùng giữa nước, nước ấy thường nóng nực, cách thành không xa có khu rừng, đất ở đó cao ráo, khí hậu mát mẻ, mọc lên cây cỏ, hoa quả và các dòng nước đều tràn đầy. Đến mùa hè oi bức, dân chúng nơi các làng xóm trong thành đều lìa bỏ chỗ cư trú, kéo đến khu rừng kia, đều tu theo nghiệp, Bồ-tát cũng thế. Lại cho người khác trấn giữ thành, tự đến khu rừng nơi chỗ cao ráo, nhàn nhã, vắng lặng, lìa dục cõi Dục, khởi bốn Vô lượng. Trong bốn tháng mưa mùa hè, dạo trong bốn tâm Vô lượng. Mùa hè nóng nực đã qua, tiết trời chuyển sang mát mẻ. Bấy giờ dân chúng bỏ rừng cây kia, trở lại nơi cư trú, đều lo nghiệp tu. Lúc ấy, Bồ-tát cũng bỏ rừng cây, trở lại cung thành. Vì thương xót, nên lập ra, cúng tế đại pháp, tu nghiệp phước bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo, người làm việc và người hành đạo. Có người đến cầu xin, đều cho họ thức ăn uống, y phục, hương hoa, phòng nhà, giường nằm, voi, ngựa, xe cộ và đèn thấp sáng.

Cũng thế, qua lại sáu lần trong khu rừng ấy.

Hoặc có thuyết nói: Khi trở lại nhân gian lần thứ bảy, hành mạng của Bồ-tát đã hết, qua đời, sinh lên tầng trời Quang Âm.

Hoặc có thuyết nói: Gặp lúc thế giới tan hoại, mang chúng sinh lên tầng trời Quang Âm. Cho nên trong bảy mùa mưa, gọi là bảy tuổi.

Hỏi: Nếu sinh lên tầng trời Quang Âm của Phạm Thế thì có thể như thế. Vì sao? Vì tầng trời kia là quả, là lệ thuộc cõi Sắc. Nói là làm Đế-thích, Chuyển luân Thánh vương, thì sao có thể như thế? Vô lượng cũng thọ báo trong cõi Dục?

Đáp: Bồ-tát khởi Vô lượng của ba địa, nghĩa là địa cõi Dục, địa Sơ thiên và địa Nhị thiên thọ báo Vô lượng của địa nơi cõi Dục, làm Chuyển luân Thánh vương, Đế-thích. Thọ nhận báo của Vô lượng ở địa Sơ thiên, làm vua Đại Phạm thọ báo của Vô lượng ở địa đệ Nhị thiên, sinh lên tầng trời Quang Âm.

Lại nữa, cõi Dục có Vô lượng tâm xuất định nhập định, thọ báo của tâm xuất định, nhập định, làm vua Chuyển luân, Đế-thích, thọ Vô lượng báo, sanh lên tầng trời Phạm Thế, quang Âm.

Lại nữa, cõi Dục có Vô lượng phương tiện, thọ báo phương tiện, nên làm Chuyển luân Thánh vương, Đế-thích, thọ Vô lượng báo, sinh lên tầng trời Quang Âm thuộc Phạm thế.

Lại nữa, cõi Dục là cảnh giới của chúng tử nơi tất cả căn thiện. Tất cả căn thiện cho đến định Diệt, đều có pháp giống nhau, thọ Vô lượng báo giống nhau của căn thiện, làm Chuyển luân Thánh vương, Đế-thích, vì thọ báo Vô lượng, nên sinh lên tầng trời Quang Âm của Phạm Thế.

Lại nữa, vì thọ báo của pháp thờ cúng, nên làm Chuyển luân Thánh vương, vì thọ trì báo của giới, nên làm Đế-thích, vì thọ báo tu Vô lượng trong khu rừng kia, nên sinh lên tầng trời Quang Âm của Phạm thế.

Lại nữa, kinh này nói ba thứ nghiệp phước: Nghiệp phước bố thí, giữ giới, tu định. Như kinh kia nói: Các Tỳ-kheo, vì báo của ba nghiệp, nên đã khiến cho ta có oai lực lớn. Ba nghiệp là Thí, Định, Giới.

Thí, là nghiệp phước bố thí. Định: là nghiệp phước tu định. Giới là nghiệp phước tu giới. Vì báo của nghiệp phước bố thí, nên làm Chuyển luân Thánh vương. Do báo của nghiệp phước giữ giới, nên làm Đế-thích. Do báo của nghiệp phước tu định, nên sinh lên tầng trời Quang Âm của Phạm Thế.

Kinh Phật nói có ba thứ nghiệp phước: Nghiệp phước bố thí, nghiệp phước giữ giới, nghiệp phước tu định.

Thế nào là nghiệp phước bố thí? Nếu dùng vật dụng cho Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến đèn sáng, đó gọi là nghiệp phước bố thí.

Nghiệp phước của giữ giới là thế nào? Không giết hại đối với giết

hại, lại không muốn giết hại. Không trộm cắp, không dâm, không nói dối, không uống rượu cũng giống như thế. Đó gọi là nghiệp phước giữ giới.

Thế nào là nghiệp phước tu định? Thường xuyên dùng tâm từ không oán, không giận, không hại, nói rộng như trên. Tâm bi, hỷ, xả, cũng nói giống như thế. Đó gọi là nghiệp phước của tu định.

Hỏi: Vì sao căn thiện cõi Sắc, cõi Vô sắc chỉ nói Vô lượng, là nghiệp phước tu định, chẳng phải căn thiện cõi Sắc, cõi Vô sắc khác?

Đáp: Người đời cho việc làm lợi ích là phước. Tất cả căn thiện cõi Sắc, cõi Vô sắc, muốn làm lợi ích cho người, không có gì bằng Vô lượng.

Lại nữa, người đời cho quả phước là phước, vì Vô lượng có thể sinh quả phước rộng, như kệ nói:

*Lửa phước, không thể đốt
Gió không thể thổi hoại
Làm nổi nước địa đại,
Cũng không thể làm trôi
Quốc vương, hoặc giặc trộm
Dù làm các phương tiện
Cũng không cướp đoạt được
Phước của người nam, nữ
Kho phước rất vững chắc
Không bao giờ mất đi.*

Hỏi: Nếu chẳng phải lửa phước cũng không thể đốt, vì sao chỉ nói phước?

Đáp: Phi phước dù không bị đốt, nhưng vẫn đốt Vô lượng quả của quả phi phước. Không có đã bị lửa đốt, không có sẽ bị lửa đốt, không có đang bị lửa đốt.

Kinh Phật nói: Các Tỳ-kheo! Đệ tử của Tô-ni-đa, người Hữu học đầy đủ bất cứ lúc nào, khi chết, sinh lên tầng trời Phạm thế. Hoặc là người không học đầy đủ bất cứ lúc nào, khi chết, sinh lên tầng trời Tha Hóa Tự Tại, hoặc sinh lên tầng trời Hóa lạc, hoặc sinh lên tầng trời Đâu suất hoặc sinh lên tầng trời Dạ-ma, hoặc sinh lên tầng trời Ba mươi ba, hoặc sinh lên tầng trời Tứ thiên vương, hoặc sinh vào dòng họ lớn Sát-lợi, Bà-la-môn, Đại gia cư sĩ, hoặc sinh vào các nhà như thế, v.v..., của cải giàu có, kho báu đầy đầy.

Hỏi: Nếu vậy, Tô-ni-đa hơn Phật, Thế tôn. Vì sao? Vì đệ tử của Tô-ni-đa người Hữu học đầy đủ trong bất cứ lúc nào, khi chết sinh lên

tầng trời Phạm thế, người không học đầy đủ trong bất cứ lúc nào, khi chết, sinh lên tầng trời Tha hóa Tự tại, nói rộng như trên. Đệ tử của Đức Thế tôn, người Hữu học đầy đủ trong bất cứ lúc nào, được sinh lên tầng trời, hoặc được Niết-bàn. Người Hữu học không đầy đủ trong bất cứ lúc nào, khi chết đọa vào đường ác?

Đáp: đối với việc này, không nên nói Phật không bằng. Vì sao? Vì như đệ tử rất nhỏ Đức Thế tôn là bậc Tu-đà-hoàn, thì hơn hẳn thân Tô-ni-đa. Đây chính là việc khi Đức Phật hành đạo Bồ-tát, gọi là việc thời Tô-ni-đa.

Hỏi: Thời kỳ Đức Thế tôn hành đạo Bồ-tát có hơn khi thành Phật hay không?

Đáp: Nên biết lý do kinh kia lấy việc nào để nói như thế? Tô-ni-đa vì các đệ tử nói pháp Phạm trụ cho là được sinh lên Phạm thiên, nói học đầy đủ trong bất cứ lúc nào. Đệ tử của Tô-ni-đa vì pháp Phạm trụ, siêng năng tu hành tinh tiến, người có thể sinh khởi, khi chết, sinh lên cõi Phạm thế. Vì pháp Phạm trụ siêng năng tu hành tinh tiến, người không thể khởi, hoặc sinh lên tầng trời Tha hóa Tự tại, cho đến hoặc sinh trong cõi người. Nhưng con người thời xưa tốt đẹp, vô nhân nơi Vô lượng phương tiện, cũng được sinh lên cõi trời, hưởng chi là Vô lượng, siêng năng hành tinh tiến, căn thiện hơn hết mà không sinh lên tầng trời, cõi người hay sao? Đức Thế tôn đã vì các đệ tử nói giới giải thoát để đạt được Niết-bàn.

Nói nên học pháp này, đệ tử của Đức Thế tôn đối với phần Học này, không đã phá, không xuyên tạc, không vượt qua khuôn phép, sẽ được sinh lên cõi trời và đạt đến Niết-bàn. Ngược lại, nếu đệ tử Đức Thế tôn đối với phần Học này, đã phá xuyên tạc, vượt qua khuôn phép, thì khi chết sẽ đọa trong đường ác.

Do việc ấy, nên kinh này nói: Vô lượng là học đầy đủ. Bấy giờ, Tô-ni-đa tâm nghĩ rằng: Ta không nên sinh chung một chỗ với các đệ tử, ta phải tu từ phẩm thượng, sinh lên tầng trời Quang Âm. Lúc này Tô-ni-đa bèn tu từ phẩm thượng của địa đệ Nhị thiên, khi chết sinh lên tầng trời Quang Âm.

Hỏi: Như Tô-ni-đa gần gũi Phật Bồ-tát, lẽ ra vô tâm keo kiệt pháp, vì sao vì các đệ tử nói pháp sinh lên Phạm thế, còn mình thì sinh Quang Âm?

Đáp: Vì Tô-ni-đa kia quán các căn của đệ tử có lượng ngang bằng. Lại nữa, các Bà-la-môn kia tâm trông mong sanh lên tầng trời Phạm thiên suốt trong đêm dài sinh tử, thuận theo chuyển gần, muốn sinh

lên tầng trời Phạm Thế, do đó vì họ nói pháp sinh lên tầng trời Phạm thiên.

Lại nữa, vào thời kỳ thế gian không có Phật, không ai có thể khởi Vô lượng của địa đệ nhị, đệ tam, đệ Tứ thiên, chỉ trừ gần Phật Bồ-tát.

Hỏi: Như Vô lượng của địa trên là trong sáng, tốt đẹp, vì sao nói từ của địa đệ Nhị thiên gọi là Từ phẩm thượng?

Đáp: Vì Từ của địa đệ Nhị thiên đối với Từ của địa Sơ thiên là trên.

Lại nữa, vì so với Từ bên cạnh của người Thanh văn thì hơn, nên là trên.

Lại nữa, vì Từ này vượt hơn cũ, nên là trên. Lại nữa, lúc đời không có Phật, không ai có thể khởi Vô lượng của địa đệ tam, đệ Tứ thiên. Vì oai lực Phật, nên các đệ tử Phật dựa vào địa kia khởi Từ của địa ấy. Vì cho nên Tôn giả Cù-sa nói rằng: Từ của hai địa kia chẳng phải người phạm phu, mà là do oai lực Phật, nên các đệ tử Phật có thể khởi Từ ấy.

Hỏi: Vì sao gọi là Phạm trụ?

Đáp: Vì Phạm thế có đủ ở lúc đầu, thiên Vị chí dù ở lúc đầu, nhưng không đủ. Đệ Nhị thiên dù có đủ, nhưng không ở lúc đầu. Sơ thiên ở lúc đầu, cũng có đủ.

Lại nữa, vì đối lập với phi phạm, nên gọi là Phạm trụ. Phi Phạm: Nghĩa là phiền não nơi cõi Dục, vì Phạm trụ kia là đối trị gần.

Lại nữa, vì đối lập với phi phạm hạnh, nên gọi là Phạm trụ. Phi Phạm hạnh: Nghĩa là sự dâm dục cõi Dục. thế nào là đối trị gần của phi phạm hạnh kia? Đó là pháp của bốn phạm trụ.

Lại nữa, phạm hạnh là vì trong thân có thể được, nên gọi là Phạm trụ.

Lại nữa, Đức Thế tôn là phạm. Vì phạm kia hiển hiện giải thích nên gọi là Phạm trụ.

Lại nữa, vì dùng âm Phạm, ngữ Phạm để giải thích, nên gọi là Phạm trụ.

Lại nữa, các Phạm do tu pháp này, được sinh lên cõi Phạm thế, nên gọi là phạm trụ.

Hỏi: Phạm trụ và Vô lượng có gì khác nhau?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có khác nhau vì sao? Vì bốn Phạm trụ tức là bốn Vô lượng, bốn Vô lượng tức là bốn Phạm trụ. Lại có thuyết nói: tên gọi có sai khác, đó gọi là Phạm trụ, đó gọi là Vô lượng. Lại nữa, vì đối với phi phạm, nên gọi là Phạm trụ, vì đối với hý

luận, nên gọi là Vô lượng.

Lại nữa, người Phạm hạnh trong thân có thể đạt được, gọi là Phạm trụ, người không có hý luận trong thân có thể được, gọi là Vô lượng.

Lại nữa, vì đối trị phi phạm hạnh, nên là Phạm trụ, vì đối trị buông lung, nên là Vô lượng.

Lại nữa, người ở Phạm thế là Phạm trụ, người ở địa trên là Vô lượng.

Lại nữa, ở Vị chí, người nương dựa nơi Phạm thế là Phạm trụ người ở địa trên là Vô lượng.

Lại nữa, người ở Vị chí Phạm thế là Phạm trụ, cũng gọi là Vô lượng. Người ở địa trên là Vô lượng.

Lại nữa, người đã từng được là Phạm trụ, kẻ không hề được là Vô lượng.

Lại nữa, chỗ hành trong nội đạo là Phạm trụ, cũng gọi là Vô lượng, chỗ hành trong ngoại đạo là Vô lượng.

Lại nữa, pháp chung là Phạm trụ, pháp không chung là Vô lượng. Cho nên Tôn giả Cù-sa đã nói rằng: Phạm trụ là pháp chung, vì phạm phu, bậc Thánh chung. Vì bậc Thánh, phạm phu không chung, đó nghĩa khác nhau giữa Phạm trụ và Vô lượng.

Kinh Phật nói bốn hạng người được phước Phạm. Thế nào là bốn? Đó là:

1. Nếu người ở chỗ phùng xứ không có xây tháp, có thể ở xứ này dùng xá-lợi Như lai để xây tháp. Đó gọi là phước phạm thứ nhất.

2. Lại nữa, nếu người ở nơi không hề xây dựng tinh xá của Thánh chúng, có thể ở nơi này, xây dựng tinh xá cho Thánh chúng. Đó gọi là phước phạm thứ hai,

3. Lại nữa, nếu chúng đệ tử của Như lai bị chia rẽ lại khiến cho hòa hợp. Đó gọi là phước phạm thứ ba.

4. Lại nữa, nếu người có thể tu pháp của bốn Phạm trụ thì đó gọi là phước Phạm thứ tư.

Phái Thí dụ giả giả nói rằng: Kinh này chẳng phải do Như lai nói. Bốn hạng này cũng chẳng phải phước Phạm. Vì sao? Vì bốn quả báo này không bằng nhau. Nếu người xây tháp lớn ở chỗ Như lai Đản sinh, chỗ đắc đạo, chỗ Chuyển pháp luân, chỗ nhập Niết-bàn. Nếu người chất đồng đá nhỏ thành tháp, thì hai phước, đức này bằng nhau không khác phải chăng? Nếu người xây tinh xá lớn như tinh xá ở khu lâm viên Kỳ Hoàn, Trúc Lâm, rừng Đa-Ma-Sa. Nếu người xây một căn phòng, phước ấy đều bằng nhau không khác chăng? Nếu hòa hợp như Đề-bà-

đạt-đa đã phá tăng. Nếu hòa hợp như Câu-xá-di đã khiến chúng tăng tranh chấp, phước ấy đều bằng nhau không khác? Bốn Phạm trụ là kinh Như lai nói, cũng là phước phạm.

Người A-tỳ-đàm nói rằng: Kinh này do Như lai nói, cũng là phước Phạm.

Hỏi: Vì sao quả báo ấy không bằng nhau?

Đáp: Vì việc đã làm. Nếu người ở chỗ không hề xây tháp, vì Như lai, Đại Phạm nên xây dựng tháp lớn. Nếu người ở chỗ không hề xây tháp, vì Như lai, Đại Phạm nên xây tháp nhỏ. Vì việc đã làm đều bằng nhau, nên phước ấy không khác. Nếu ở chỗ không có tinh xá của Thánh chúng, xây dựng tinh xá Thánh chúng. Nếu chúng đệ tử của Như lai bị chi rẽ lại khiến cho hòa hợp. Vì việc làm này đều là phạm hạnh, nên phước phạm đều bằng nhau, không khác, vì việc làm này đồng, nên phước ấy bằng nhau không khác.

Lại nữa, vì giống nhau. Nếu người tu bốn vô lượng muốn làm lợi ích cho Vô lượng chúng sinh. Nếu ở chỗ chưa từng xây tháp, mà xây tháp để thờ Xá-lợi Như lai, cũng muốn làm lợi ích cho Vô lượng chúng sinh. Vì sao? Vì trăm ngàn muôn ức chúng sinh, vì tháp của Như lai này, đã dùng các thứ hương hoa, kỹ nhạc, hương bột, hương xoa và cờ phướn, lọng báu để cúng dường tháp, nhân nơi việc này, nên sinh nghiệp thân, miệng, ý thiện, gieo trồng nhân duyên của dòng họ phú hào, có oai đức lớn, giàu của cải, nhiều vật báu, hình dung xinh đẹp, mọi người đều thích nhìn thấy. Hoặc gieo trồng nhân duyên vua Chuyển luân. Hoặc gieo trồng nhân duyên Đế-thích. Hoặc gieo trồng nhân duyên Ma vương. Hoặc gieo trồng nhân duyên Thanh văn Bích-chi Phật. Hoặc gieo trồng nhân duyên Phật. Nếu tu vô lượng muốn làm lợi ích cho Vô lượng chúng sinh nếu ở xứ, phương không hề xây dựng tinh xá của Thánh chúng, khởi sự xây cất tinh xá Thánh chúng, cũng vì làm lợi ích Vô lượng chúng sinh. Vì sao? Vì trăm ngàn chúng sinh, do chúng đệ tử của Như lai này, đã dùng các thức ăn uống, tạo ra một ngày, bảy ngày, nửa tháng, một tháng, mở hội Ban-già-vu-sắt và thường hội, cũng dùng giường, ghế, thuốc tùy bệnh, vật dụng cần thiết của sanh tử mà ban cấp cho chúng sinh, khiến cho các Tỳ-kheo đọc tụng Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, tư duy nghĩa ấy, sinh quán bất tịnh, an-ban niệm xứ các pháp Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất, nhập chánh quyết định, đắc quả, lìa dục, dứt hết lậu.

Do việc này, nên gieo trồng nhân duyên với dòng họ giàu sang, có oai đức lớn, nhiều của cải, vật báu, hình dáng xinh đẹp, mọi người thích

nhìn thấy. Hoặc gieo trồng nhân duyên vua Chuyển luân, hoặc gieo trồng nhân duyên Đế-thích. Hoặc gieo trồng nhân duyên Ma vương. Hoặc gieo trồng nhân duyên Thanh văn. Hoặc gieo trồng nhân duyên Bích-chi Phật. Hoặc gieo trồng nhân duyên của Phật. Như tu Vô lượng, đem lại nhiều lợi ích cho Vô lượng chúng sinh. Chúng đệ tử của Như lai bị chia rẽ khiến cho hòa hợp trở lại, cũng là muốn làm lợi ích cho Vô lượng chúng sinh. Vì sao? Vì nếu chúng sinh đệ tử của Như lai bị chia rẽ đáng lẽ nhập chánh quyết định, mà không nhập chánh quyết định, không đắc quả, không lìa dục, không dứt hết lậu, không chuyển giáo, không thọ trì, không đọc tụng. Bấy giờ không thể tư duy về Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, không thể gieo trồng nhân duyên Thanh văn, Bích-chi Phật, Phật, làm cho pháp luân của Tam Thiên đại thiên thế giới phải dừng lại, cho đến trời Thủ đà hội cũng vô tâm khác. Do các việc tương tự như thế, nên đều là phước Phạm:

Lại nữa, nếu ở chỗ phướng xứ không hề xây tháp, vì Xá-lợi Như lai mà xây tháp, vì có bốn việc, nên gọi là phước Phạm:

1. Bỏ nhiều của cải, sinh lòng tin rộng lớn.
2. Làm cho đa số chúng sinh được gieo trồng căn thiện.
3. Điều khiến cho thành tựu rất ráo.
4. Thờ Xá-lợi Như lai.

Nếu nơi chốn không có tinh xá của Thánh chúng đệ tử của Như lai, thì bắt đầu xây tinh xá, cũng do bốn việc, nên gọi là phước Phạm:

1. Bỏ nhiều của cải, sinh lòng tin rộng lớn.
2. Khiến cho đa số chúng sinh được gieo trồng căn thiện.
3. Điều khiến cho thành tựu rất ráo.

4. Người không có nơi nương dựa, vì họ làm chỗ nương dựa. Kẻ không có chỗ ở, vì họ làm chỗ ở.

Nếu chúng đệ tử của Như lai bị chia rẽ, khiến cho hòa hợp trở lại cũng do bốn việc, nên gọi là phước Phạm.

1. Lìa bốn thứ nghiệp ác của miệng.
2. Hành bốn thứ nghiệp thiện của miệng.
3. Phá phi pháp.
4. Tu pháp cung kính.

Nếu tu bốn Vô lượng cũng do bốn việc, nên gọi là phước Phạm:

1. Lìa yêu, ghét.
2. Dứt bỏ các thứ che đậy.
3. Có quả của bốn Vô lượng kia.
4. Vì lệ thuộc bốn Vô lượng kia.

Hỏi: Có bao nhiêu được gọi là phước Phạm?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu là nghiệp báo của phước, thì sẽ được thân vua Chuyển luân, lượng phước Phạm cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu là quả báo của nghiệp phước, thì sẽ được thân Đế - thích, lượng phước Phạm cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu là quả báo của nghiệp phước, thì sẽ có thể được thân Tự Tại Thiên Vương, lượng phước Phạm cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu là nghiệp báo của phước thì có thể được thân Phạm vương, lượng phước Phạm cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Do oai lực nơi nghiệp phước của tất cả chúng sinh, nên khiến cho thế giới lại, lượng phước của Phạm cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Trừ gần Phật Bồ-tát, tất cả chúng sinh khác tất cả nghiệp phước giàu sang, lượng phước Phạm cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Như trời Phạm vương thỉnh Phật được nghiệp phước, lượng phước Phạm cũng giống như thế.

Lời bình: Lượng phước Phạm là Vô lượng, vô biên. Như trên đã nói, đều là lời nói khen ngợi phước Phạm.

Hỏi: Vua Phạm thiên thỉnh Phật vào lúc nào được phước Phạm? Đáp: Hoặc có thuyết nói: Khi phát tâm muốn đến thỉnh Phật.

Không nên nói như thế. Vì sao? Vì làm sao chưa gây ra nghiệp mà được phước?

Lại có thuyết nói: Lúc thỉnh Phật được phước Phạm. Cũng không nên nói như thế. Vì sao? Vì khi Phạm thiên thỉnh Phật là tâm vô ký không ẩn một cõi Dục, mà tâm vô ký không ẩn một thì không thể sinh báo.

Lời bình: Nên nói rằng: Phạm thiên thỉnh Phật rồi, trở lại cung của mình. Phật vì vua Phạm thiên thỉnh nên chuyển pháp luân. Năm Tỳ-kheo và tám vạn chư thiên đều được thấy đế, tiếng ấy trên vang đến Phạm thiên, vua. Phạm thiên nghe tiếng này xong, tâm sinh kính tin: Vì ta thỉnh Phật, nên Phật chuyển pháp luân, khiến cho người khác được lợi ích như thế, lúc ấy được phước Phạm.

* * * * *